

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Số/ No.:

20250903/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2025
Ho Chi Minh City, September 03, 2025

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
Tại: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIVFS**
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: **29/08/2025**
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit*: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	5,700	8.01%
2	AGR	100	0.09%
3	APG	200	0.13%
4	BIC	100	0.26%
5	BID	400	0.87%
6	BMI	100	0.11%
7	BSI	100	0.27%
8	BVH	300	0.93%
9	CTG	1,100	2.89%
10	CTS	100	0.21%
11	DSE	200	0.32%
12	EIB	2,000	2.98%
13	EVF	1,000	0.72%
14	FTS	200	0.40%
15	HCM	400	0.58%
16	HDB	3,500	5.80%
17	LPB	3,800	8.69%
18	MBB	5,400	7.49%
19	MIG	100	0.09%
20	MSB	2,400	2.15%
21	NAB	1,800	1.46%
22	OCB	1,000	0.69%
23	ORS	400	0.32%
24	SHB	4,300	4.03%
25	SSB	2,100	2.30%
26	SSI	1,800	3.85%
27	STB	2,400	6.71%
28	TCB	5,200	10.50%
29	TCI	100	0.06%
30	TPB	1,900	2.02%
31	TVS	100	0.12%
32	VCB	1,200	4.22%
33	VCI	600	1.41%
34	VDS	100	0.13%
35	VIB	2,700	3.05%
36	VIX	2,000	3.92%
37	VND	1,500	1.89%
38	VPB	5,800	10.06%
	Tiền/ Cash (VND)	5,788,624	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND) 1,955,390,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND) 1,961,178,624
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND) 5,788,624

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	27,550	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	51,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	42,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	52,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	60,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	HDB	32,500	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	17,550	MAS,KIS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	VCB	69,000	VCBS	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	VCI	46,250	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
10	TCB	39,600	MAS,KIS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	29/08/2025	28/08/2025	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	19,400,000	19,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	20,090.00	19,780.00	310
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	380,468,653,176	375,838,282,656	4,630,370,520
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,961,178,624	1,937,310,735	23,867,889
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	19,611.78	19,373.10	238.68
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	3,402.77	3,360.77	42.00

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

28/08/2025

/ *Item 5 is net asset value at*

28/08/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

27/08/2025

/ *Item 5 is net asset value at*

27/08/2025



Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC